

Số: 100 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 10 tháng 01 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 79/2021/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 3);

Căn cứ Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) xây dựng Hạ tầng kỹ thuật (HTKT) Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

*Căn cứ Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể, giá đất ở thị trường để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB bởi dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn;*

*Theo Thông báo số 285/TB-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh tại cuộc họp giải quyết khiếu nại của công dân trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Tờ trình số 173/TTr-HĐBT ngày 16/12/2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1157/TTr-STNMT ngày 29/12/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

a) Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **2.610.885.000 đồng** (Hai tỷ, sáu trăm mười triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 2.554.682.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 51.094.000 đồng.

*(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 5.109.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 3.576.000 đồng).*

- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 5.109.000 đồng.

Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

*(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo Quyết định này)*

b) Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của 02 hộ dân đã được phê duyệt tại Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh (bao gồm giá trị BT, HT, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế) là: **2.764.709.000 đồng** (Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn đồng).

*(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)*

2. Về tái định cư:

a) Thu hồi lô đất số 5, đường ĐS5, lộ giới 14m, diện tích 187,5m<sup>2</sup> tại khu A4 thuộc Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn đã được phê duyệt cho hộ ông Lê Văn Thiệu (chết) các con: Lê Văn Thông,

Lê Văn Lành, Lê Đình Chương tại Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

*(Chi tiết như Phụ lục số 05 kèm theo Quyết định này)*

b) Bố trí 02 lô đất tái định cư cho hộ ông Lê Xuân Thiều và ông Lê Văn Thành, với tổng diện tích 187,5m<sup>2</sup> tại khu A4 thuộc Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, cụ thể:

- Bố trí cho hộ ông Lê Xuân Thiều (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương, Lê Thị Hồng, Lê Thị Hạnh, Lê Thị Ngọc Dung, Lê Thị Hằng cùng đại diện lô đất số 5a, đường ĐS5, lộ giới 14, diện tích 119,9 m<sup>2</sup>.

- Bố trí cho hộ ông Lê Văn Lành lô đất số 5b, đường ĐS5, lộ giới 14, diện tích 67,6m<sup>2</sup>.

Tiền sử dụng đất các hộ này phải nộp là **845.950.000 đồng** (Tám trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

*(Chi tiết như Phụ lục số 06 kèm theo Quyết định này)*

c) Giao lô đất số 37 tại Khu A4, Đường ĐS4, lộ giới 16m, diện tích 60,0m<sup>2</sup> thuộc Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn cho hộ ông Lê Văn Thông (địa chỉ: Tổ 43, Khu phố 6, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn) và thu tiền sử dụng đất theo giá thị trường.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K4, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**



Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG CHỢ DINH MỚI, PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường, hỗ trợ (m <sup>2</sup> )			Giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Đất ở	Đất vườn ao, NN	Đất không BT	Bồi thường, hỗ trợ đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ tiền trong thời gian dựng nhà ở	Giá trị BT, HT (đồng)	
I	Các trường hợp điều chỉnh, bổ sung phương án		419,10	186,95	204,35	27,80	1.352.285.000	90.731.400	1.041.111.357	6.553.260	6.000.000	18.000.000	2.514.682.000
1	Hộ ông Lê Xuân Thiệu (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương Lê Thị Hồng, Lê Thị Hạnh, Lê Thị Ngọc Dung, Lê Thị Hằng cùng đại diện	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình	348,32	116,17	204,35	27,8	1.058.162.000	90.731.400	563.070.681	5.120.760	3.000.000	9.000.000	1.729.085.000
2	Hộ ông Lê Văn Lành	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình	70,78	70,78			294.123.000		421.880.206	1.432.500	3.000.000	9.000.000	729.436.000
3	Hộ bà Nguyễn Thị Nga	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình							7.613.870				7.614.000
4	Hộ bà Nguyễn Thị Hy	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình							45.516.520				45.517.000
5	Hộ ông Lê Thanh Tùng và bà Ngô Thị Mỹ Lệ	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình							3.030.080				3.030.000
II	Giá trị thuê nhà ở (Phụ lục số 02)												30.000.000
III	Giá trị thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (Phụ lục số 03)												10.000.000
IV	Tổng giá trị BT, HT: (I + II + III)												2.554.682.000
V	Chi phí GPMB 2%: (IV x 2%)												51.094.000
VI	Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế (Vx 10%)												5.109.000
VII	Tổng cộng: (IV + V + VI)												2.610.885.000

**Phụ lục số 02**

**GIÁ TRỊ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ Ở**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị hỗ trợ (đồng)
1	Hộ ông Lê Xuân Thiều (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương Lê Thị Hồng, Lê Thị Hạnh, Lê Thị Ngọc Dung, Lê Thị Hằng cùng đại diện	Tổ 43, KV 6, P. Nhơn Bình	15.000.000
2	Hộ ông Lê Văn Lành	Tổ 43, KP 6, P. Nhơn Bình	15.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>30.000.000</b>

**Phụ lục số 03**

**THƯỞNG ĐÃY NHANH TIẾN ĐỘ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (đồng)
1	Hộ ông Lê Xuân Thiều (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương Lê Thị Hồng, Lê Thị Hạnh, Lê Thị Ngọc Dung, Lê Thị Hằng cùng đại diện	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình	5.000.000
2	Hộ ông Lê Văn Lành	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình	5.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>10.000.000</b>

**Phụ lục số 04**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA 02  
HỘ DÂN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 206/QĐ-UBND NGÀY  
19/01/2022 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm (đồng)
1	Hộ ông Lê Văn Thiệu (chết) các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương đại diện kê khai	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình	2.475.333.000
2	Hộ ông Nguyễn Văn Hạnh (chết), Hoàng Thị Liên	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình	229.862.000
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị BT, HT điều chỉnh giảm</b>		<b>2.705.195.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí GPMB 2%: (1+2) x 2%</b>		<b>54.104.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế (Vx 10%)</b>		<b>5.410.000</b>
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng (I + II + III)</b>		<b>2.764.709.000</b>



Phụ lục số 05

THU HỒI LÔ ĐẤT Ồ ĐÃ GIAO CHO HỘ ÔNG LÊ VĂN THIỀU (CHẾT), CÁC CON: LÊ VĂN THÔNG, LÊ VĂN LÀNH,  
LÊ ĐÌNH CHƯƠNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 206/QĐ-UBND NGÀY 19/01/2022 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Lô đất được giao tại Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn			
			Ký hiệu lô đất	Đường (lộ giới)	Diện tích lô đất (m <sup>2</sup> )	Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)
1	Hộ ông Lê Văn Thiều (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương đại diện kê khai	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình	5-A4	ĐS5 (14m)	187,50	845.950.000
Tổng cộng					187,50	845.950.000

**Phụ lục số 06**

**BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT Ở THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ  
ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG CHỢ DINH MỚI,  
PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bồi thường (m <sup>2</sup> )	Vị trí lô đất được giao và giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ phải nộp tại Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn							
				Ký hiệu lô đất	Đường (lộ giới)	Diện tích lô đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu tiền (m <sup>2</sup> )		Đơn giá nộp tiền sử dụng đất		Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)
							Theo giá đất cụ thể	Theo giá đất thị trường	Giá đất cụ thể (đ/m <sup>2</sup> )	Giá đất thị trường (đ/m <sup>2</sup> )	
a	b	c	1	2	3	4	5	6=4-5	7	8	9={5*7} + (6*8)
1	Hộ ông Lê Xuân Thiều (chết), các con: Lê Văn Thông, Lê Văn Lành, Lê Đình Chương Lê Thị Hồng, Lê Thị Hạnh, Lê Thị Ngọc Dung, Lê Thị Hằng cùng đại diện	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình	116,17	5a- khu A4	ĐS5 (14m)	119,90	119,35	0,55	4.500.000	8.500.000	541.750.000
2	Hộ ông Lê Văn Lành	Tổ 43, KP6, P. Nhơn Bình	70,78	5b-khu A4	ĐS5 (14m)	67,60	67,60		4.500.000		304.200.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>186,95</b>			<b>247,50</b>	<b>186,95</b>	<b>0,55</b>			<b>845.950.000</b>